Tên: ……..

Lớp: S3…

Ngày giao bài: Thứ …., ngày …./….

Ngày nộp bài: Thứ …., ngày …./….

Week: 15 - GVVN

Ngữ pháp HW: ……..…

Đọc HW: ……..…

UNITS 3–4: THE DESERT & LOOK AGAIN!
PRESENT TENSES & FREQUENCY ADVERBS REVISION

A. THEORY

✓ **Present Simple – be & Verbs (Positive; -s/-es/-ies)**

***With to be:**

- *I **am** a student.*
- *He **is** happy.*
- *They **are** friends.*

***With other verbs:**

- *He **runs** fast.*
- *She **watches** TV.*
- *They **go** to school.*
- *Linda **studies** English on Monday.*

✓ **Present Continuous**

- *Look! They **are playing** football.*
- *I **am eating** an apple now.*
- *Tom **is drawing** a picture.*

✓ **Frequency Adverbs – position with be/Verbs; How often…?**

- *I am **always** happy.*
- *She **sometimes** eats ice cream.*
- ***How often** do you read books? - I read books every day.*

✓ **in + month & on + day/date**

- *My birthday is **in May**.*
- *I play football **on Sunday**.*
- *School starts **on September 5th**.*

B. HOMEWORK

GRAMMAR (20 questions)

I. Con học nghĩa, phát âm và chép từ ở bảng EXTRA VOCABULARY (trang 3) mỗi từ một dòng vào vở.

II. Circle the correct answer. *(Khoanh đáp án đúng.)*

0. Leo and Max ……. brothers.

A. is B. am C. are

1. My cat ……. very small and cute.

A. is B. am C. are

LIVEWORKSHEETS

2. Look! The baby …… .

A. sleeps B. is sleeping C. sleep

3. We go to the beach …… July.

A. on B. at C. in

4. These pictures …… black and white patterns.

A. make B. making C. makes

5. I am …… polite to my teacher. I say "Hello" and "Thank you" every day.

A. always B. never C. sometimes

6. A camel …… people and things across the desert.

A. carry B. carries C. carrying

7. …… do you brush your teeth? – Every day.

A. What B. How many C. How often

8. Mrs. Hoa …… the flowers in the garden now.

A. waters B. is watering C. watering

9. Optical illusions are …… boring. They are very fun!

A. always B. usually C. never

10. My birthday is …… June 12th.

A. in B. on C. at

III. Read the underlined part in each sentence. Circle YES if the sentence is right. Circle NO if it is wrong and write the correct word(s) on the line. *(Đọc phần được gạch chân trong mỗi câu. Khoanh YES nếu câu đúng. Khoanh NO nếu câu sai và viết từ đúng vào chỗ trống.)*

0. Mr. Nam **are** a doctor. YES (NO) → is

1. Listen! My dad **is singing** in the bathroom. YES NO → _____

2. My brother **watchs** cartoons after school. YES NO → _____

3. Our sports day is **in** October. YES NO → _____

4. A camel eats grass and **keep** water in its body. YES NO → _____

5. Lan **eats sometimes** noodles for lunch. YES NO → _____

LIVEWORKSHEETS

IV. Unscramble the given words to make a correct sentence.
(Sắp xếp các từ cho sẵn thành câu đúng. Có một câu làm mẫu.)

0. Anna / **my** / **is** / best friend.

→ Anna **is my** best friend.

1. We / **on** / **swimming** / **go** / Saturdays.

→ We _____ Saturdays.

2. Look! The girls / **kites** / **are** / **flying** / in the park.

→ Look! The girls _____ in the park.

3. Kevin / **at home** / **English** / **studies** / every evening.

→ Kevin _____ every evening.

4. How often / **go** / **you** / **to** / **do** / the library?

→ How often _____ the library?

5. It / **hot** / **in** / **often** / **is** / June.

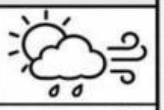
→ It _____ June.

READING PRACTICE (11 questions)

I. EXTRA VOCABULARY

Con học thuộc các từ dưới đây để làm bài bên dưới và chuẩn bị cho bài kiểm tra buổi sau nhé!

Con truy cập link hoặc quét mã QR để nghe và đọc lại từ vựng nhé:
https://on.soundcloud.com/CwvPZxWxxbpf2VDyno

No.	Words	Meanings	Pictures
1	weather (n)	thời tiết	
2	wait for (phr)	chờ / đợi	
3	supermarket (n)	siêu thị	

No.	Words	Meanings	Pictures
4	laugh (v)	cười	
5	bus driver (n)	tài xế xe buýt	
6	busy (adj)	bận rộn	

**Note:* *phr = phrase: cụm từ, adj = adjective: tính từ, n = noun: danh từ, v = verb: động từ.*

LIVEWORKSHEETS

II. Read the story. Choose a word from the box. Write the correct word next to numbers 1-5. There is one example.

Doctor Brown had a nice new car and he *loved* driving it to the hospital every morning. Last Tuesday, the (1) _____ was terrible and when Doctor Brown drove down Top Road, he saw four people at the bus stop. They didn't look happy in the wind and the rain. One of them was Paul Parks.

Doctor Brown knew Paul. He stopped his car and said, 'Don't (2) _____ for the bus this morning, Paul. I can take you to work.'

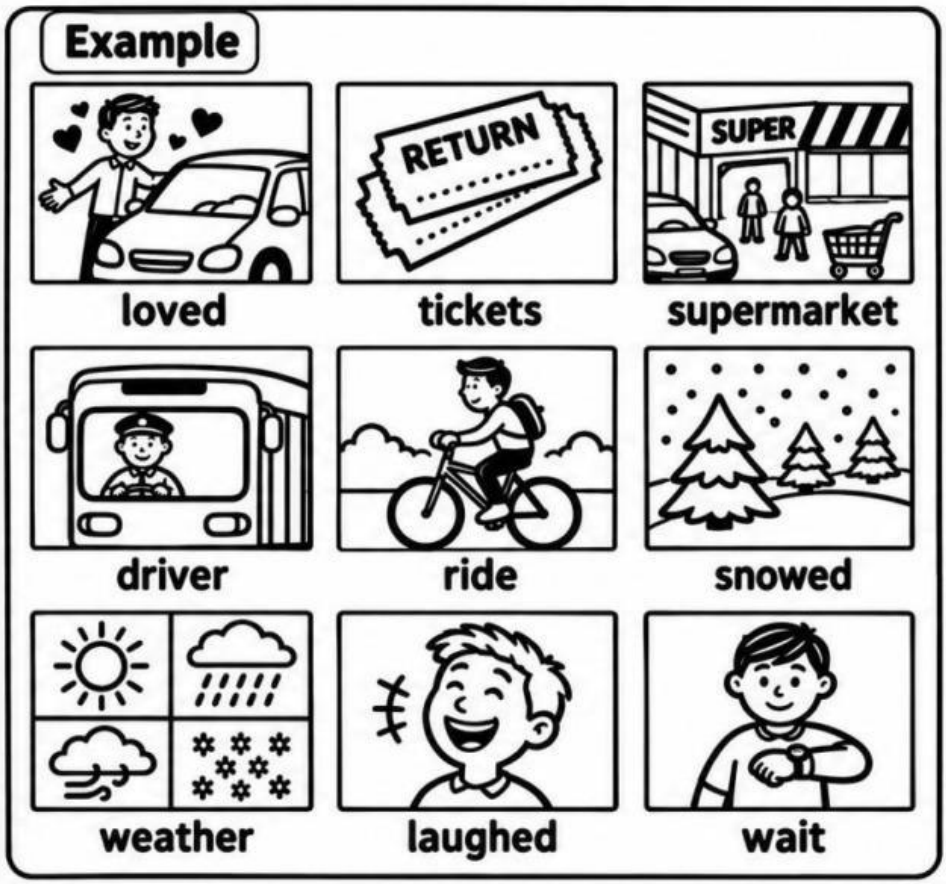
'Thank you! Can you take Jim too?' Paul asked. 'He works with me at the (3) _____.'

'And can you take my two friends, too?' Jim asked. 'They work at the library.'

Doctor Brown (4) _____ and said, 'Yes, OK! Get in the car all of you.'

Doctor Brown started the car again. 'This morning, I'm not a doctor. I'm a bus (5) _____!'

LIVEWORKSHEETS



III. Read the story again. Write T (True) or F (False).

1. Doctor Brown had a new car. → _____
2. Doctor Brown saw three people at the bus stop. → _____
3. The people at the bus stop looked happy. → _____
4. Paul and Jim work together. → _____
5. Jim's two friends work at the hospital. → ___

LIVEWORKSHEETS